

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 127/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 26/02/2021

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Minh.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Năm

2. Ông Đoàn Văn Rỹ.

Hội thẩm dự khuyết: 1. Ông Hoàng Minh Đang

2. Bà Nguyễn Thanh Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hiếu – Thư ký Tòa án.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:

Bà Dương Thị Thanh Nhân - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 02 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 752/2020/TLST-HNGĐ ngày 18/8/2020 về việc: “**Ly hôn**” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2021/QĐXXST - HNGĐ ngày 07/01/2021 và quyết định hoãn phiên tòa số 16/2021/QĐST-HNGĐ ngày 29/01/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Mộng N, sinh năm: 1982.

Địa chỉ: 237/2 M, Phường X, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Có đơn xin vắng mặt)

Bị đơn: Ông Nguyễn Vũ C, sinh năm 1979.

Địa chỉ: 237/2 M, Phường X, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

(vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện nộp ngày 22/07/2020, biên bản tự khai ngày 08/9/2020, các biên bản không tiến hành hòa giải được ngày 26/11/2020, ngày 28/12/2020, cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ bà Nguyễn Thị Mộng N trình bày:

Bà N và ông Nguyễn Vũ C tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn năm 2008 tại Ủy ban nhân dân phường B, quận S, thành phố Hồ Chí Minh. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến năm 2012, vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn từ nhiều lý do, ông C không chung thủy có người khác ở bên ngoài. Hai vợ chồng thường xuyên cãi nhau do bất đồng quan điểm, tính tình không phù hợp, không chia sẻ được mọi vấn đề trong cuộc sống. Bà N phải tự mình giải quyết mọi việc trong gia đình. Khi vợ

chồng có mâu thuẫn bà N đã cố gắng cùng ông C giải quyết vấn đề. Tuy nhiên, những lần như vậy ông C lại cố tình lẩn tránh và im lặng, bà N thấy rằng xích mích và mâu thuẫn của hai vợ chồng đã ngày càng nhiều làm ảnh hưởng đến cuộc sống gia đình và con cái. Cuộc sống gia đình không hạnh phúc, tình cảm vợ chồng cũng không còn nên bà N yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông C.

Về con chung: Có 03 con chung tên Nguyễn Kiến V, sinh ngày 07/12/2009; cháu Nguyễn Song T, sinh ngày 28/10/2012; cháu Nguyễn Kiến M, sinh ngày 19/7/2014. Sau khi ly hôn bà N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung. Bà Ngọc không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Bà N xác định tự thỏa thuận không yêu cầu toà án giải quyết.

Về nợ chung: Bà N tự khai vợ chồng không thiếu nợ gì của ai.

Bị đơn: Ông Nguyễn Vũ C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng đều vắng mặt nên Tòa án không thu được lời khai và không hoà giải được.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận Y - Bà Dương Thị Thanh Nhân phát biểu: Thẩm phán đảm bảo đúng quy định tại Điều 48 của Bộ luật tố tụng Dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng trong quá trình xét xử vụ án. Nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự, bị đơn không chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn do mâu thuẫn vợ chồng quá trầm trọng không thể hàn gắn. Con chung: Có 03 con chung : cháu Nguyễn Kiến V, sinh ngày 07/12/2009; cháu Nguyễn Song T, sinh ngày 28/10/2012; cháu Nguyễn Kiến M, sinh ngày 19/7/2014. Sau khi ly hôn giao 03 con chung cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng, tạm hoãn cấp dưỡng nuôi con cho ông Nguyễn Vũ C cho đến khi bà Ngọc có yêu cầu. Tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa giải quyết, nợ chung: không có. Án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn bà N phải chịu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Bà Nguyễn Thị Mộng N có đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn đối với ông Nguyễn Vũ C nên đây là tranh chấp hôn nhân gia đình, do bị đơn có nơi cư trú tại Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh. Nên vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 36 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Tòa án đã triệu tập ông Nguyễn Vũ C nhiều lần để lấy lời khai và hòa giải nhưng ông C đều vắng mặt. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định tại các Điều 171, 172, 173, 174, 177, 179 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng ông C đều vắng mặt tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

Ngày 27/01/2021 bà Nguyễn Thị Mộng N có Đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa xét xử vụ án ly hôn giữa bà và ông Nguyễn Vũ C. Do bà N bận công việc nên không thể

đến tham gia phiên tòa. Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn.

Do đó Hội đồng xét xử áp dụng thủ tục xét xử vắng mặt tất cả nhưng người tham gia tố tụng theo quy định tại Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

Xét thấy, bà Nguyễn Thị Mộng N và ông Nguyễn Vũ C chung sống với nhau có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 19, quyển số 01/2008 ngày 13/02/2008 tại Ủy ban nhân dân phường 03, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh. Nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, nay bà N yêu cầu được ly hôn là có căn cứ cần chấp nhận giải quyết vì phù hợp với khoản 1 Điều 51 và Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Tại đơn khởi kiện ngày 22/7/2020 và biên bản tự khai ngày 08/9/2020, bà N yêu cầu được ly hôn với ông C. Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn gia đình phát sinh là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung, không hòa hợp nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn, hòa giải được. Cuộc sống gia đình không hạnh phúc.

Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông C đến Tòa hòa giải nhưng ông C vẫn cố tình không đến Tòa để hòa giải, chứng tỏ ông C không còn tha thiết muốn duy trì mối quan hệ hôn nhân với bà N, vì vậy yêu cầu của bà N là có căn cứ phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51 và Khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét về con chung: Bà Nguyễn Thị Mộng N và ông Nguyễn Vũ C có ba con chung tên Nguyễn Kiến M, sinh ngày 19/7/2014; Nguyễn Kiến V sinh ngày 07/12/2009; Nguyễn Song T sinh ngày 28/10/2012 hiện do bà N đang trực tiếp nuôi dưỡng 03 cháu M, V và T. Đồng thời tại bản tự khai ngày 19/11/2020 cháu Nguyễn Kiến V và cháu Nguyễn Song T cũng có nguyện vọng muốn sống với mẹ là bà N. Hội đồng xét xử nhận thấy để đảm bảo lợi ích, điều kiện sống, sinh hoạt ổn định và nguyện vọng của con chung, xét việc yêu cầu được trực tiếp nuôi các trẻ M, V và T, không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con không trái pháp luật và phù hợp với quy định tại Điều 82 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 nên có căn cứ cần chấp nhận.

Ông C được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

Vì lợi ích của trẻ theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, hoặc những người theo quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Xét về tài sản chung: Bà N tự khai tài sản chung do vợ chồng tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết.

Về nợ chung: Bà N tự khai xác nhận không thiếu nợ ai nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

[4] Về án phí:

Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Luật phí, lệ phí ngày và nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 thì bà N phải chịu toàn bộ án phí ly hôn là 300.000 đồng.

Ông Nguyễn Vũ C không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 28, 35, 36, 39, 147, 171, 172, 173, 174, 177, 179, 227, 228, 238, 266, 271, 273, 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015:

- Các Điều 51, 53, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Luật thi hành án dân sự;

- Căn cứ Luật phí, lệ phí;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016

1. Tuyên xử vắng mặt đối với bị đơn ông Nguyễn Vũ Cung.

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mộng N ly hôn ông Nguyễn Vũ C.

Về con chung: Bà Nguyễn Thị Mộng N và ông Nguyễn Vũ C có ba con chung tên Nguyễn Kiến M, sinh ngày 19/7/2014; Nguyễn Kiến V sinh ngày 07/12/2009; Nguyễn Song T sinh ngày 28/10/2012. Giao trẻ Nguyễn Kiến M, Nguyễn Kiến V và Nguyễn Song T cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng, tạm hoãn cấp dưỡng nuôi con cho ông Nguyễn Vũ C cho đến khi bà N có yêu cầu.

Ông C được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

Vì lợi ích của trẻ theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, hoặc những người theo quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà N tự khai tài sản chung, vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết.

Về nợ chung: Bà N tự khai xác định không thiếu nợ ai nên tòa không xem xét.

Thi hành tại cơ quan thi hành án có thẩm quyền.

2. Án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng bà Nguyễn Thị Mộng N phải chịu nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu số 0044259 ngày 14/8/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8. Bà N đã nộp đủ án phí.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương nơi cư trú để yêu cầu Tòa án nhân dân TP Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND QY;
- Chi cục THA DS QY;
- UBND phường B, quận S,
TP. Hồ Chí Minh.
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

Trần Thị Thúy Minh